TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:100/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-11-2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Đức Chung
2. Bà Lê Thị Ánh Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 556/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về*"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị H, sinh năm: 1981.
- *Bị đơn:* Anh Trương Văn H, sinh năm: 1970.

Cùng địa chỉ: Số 200, tổ 5, ấp LP, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.
(Chị H, anh H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2019, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn Chị Trương Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2000, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống vài năm đầu có hạnh phúc, nhưng sau khi sinh con thứ hai thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách, thường xuyên cãi vả, anh H còn đánh đập chị. Sau đó chị bỏ đi và sống ly thân anh H. Đến năm 2010, chị có quay về để vợ chồng

đoàn tụ nuôi con nhưng chỉ sống được 03 tháng, vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn không hàn gắn được và chị ra ngoài thuê nhà sống riêng và ly thân với anh H từ năm 2010 cho đến nay. Hiện tại anh H đã sống chung với người phụ nữ khác và đã có con chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có hai con chung tên Trương Đức H, sinh ngày 04/5/2001, Trương Đức H1, sinh ngày 14/4/2003, ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Cháu H đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/8/2019 và tại phiên tòa, bị đơn Anh Trương Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị H chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Thái. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc từ khi cưới đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do Chị H làm ăn buôn bán không bàn bạc với anh, tự quyết định mọi vấn đề, không quan tâm chăm sóc gia đình, hai bên không cùng tiếng nói chung, mâu thuẫn về tài chính gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 đến nay không hàn gắn đoàn tụ vợ chồng. Vì Chị H bỏ đi nên nay anh có chung sống với người phụ nữ khác và đã có con chung như Chị H trình bày là đúng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng anh theo đạo công giáo nên không đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.
- Về con chung: Có hai con chung tên Trương Đức H, sinh ngày 04/5/2001, Trương Đức H1, sinh ngày 14/4/2003. Ly hôn Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu anh cấp dưỡng và cháu H1 có nguyện vọng được sống với Chị H, anh đồng ý. Cháu H đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo khách quan, toàn diện và dân chủ trong tranh tụng. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa Chị H, anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai Chị H, anh H cho thấy: Quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã bàn bạc đoàn tụ nhưng không thành, thời gian ly thân kéo dài. Vì vậy, Chị H yêu cầu được ly hôn anh H là có

căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị H.

Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi cháu Trương Đức H1, sinh ngày 14/4/2003, không yêu cầu anh H cấp dưỡng, anh H có ý kiến đồng ý nên đề nghị Tòa án ghi nhận giao cháu H1 cho Chị H được quyền nuôi dưỡng. Cháu Trương Đức H đã trưởng thành nên không xem xét.

Về cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Anh Trương Văn H cư trú tại Số 200, tổ 5, ấp LP, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa Chị H, anh H xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Thái đúng quy định pháp luật, theo giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 04/8/2003 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai Chị H và anh H, trong quá trình chung sống đến năm 2003 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã bàn bạc đoàn tụ nhưng không thành, vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Hiện anh H đã có tình cảm với người phụ nữ khác và đã có con chung. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị H, anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, không thể đoàn tụ chung sống. Vì vậy, việc Chị H yêu cầu được ly hôn anh H là hoàn toàn có cơ sở nên chấp nhận .

Về con chung: Có hai con chung tên Trương Đức H, sinh ngày 04/5/2001, Trương Đức H1, sinh ngày 14/4/2003. Ly hôn, Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1, cháu H đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu. Anh H có ý kiến đồng ý nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Trương Thị H đối với bị đơn Anh Trương Văn H về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung". Xử cho Chị Trương Thị H được ly hôn Anh Trương Văn H.

2/ Về con chung: Có hai con chung tên Trương Đức H, sinh ngày 04/5/2001, Trương Đức H1, sinh ngày 14/4/2003. Ghi nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung giữa Chị H và anh H. Chị Trương Thị H được quyền nuôi dưỡng cháu Trương Đức H1. Cháu Trương Đức H đã trưởng thành có khả năng lao động nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét

Anh Trương Văn H có nghĩa vụ và có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Trừ trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì Chị H có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Trương Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005336 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, Chị H đã nộp đủ án phí.

Chị Trương Thị H và Anh Trương Văn H có có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Đức Chung - Lê Thị Ánh Sáng **Nguyễn Thị Thanh Hà**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1),
- VKSND h. Long Thành (1),
- Chi cục THADS H. Long Thành (1),
- UBND xã Phước Thái (1);
- Đương sự (2),
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hà